

GỢI Ý VỀ CẤU TRÚC THƯ TỰ GIỚI THIỆU VỀ BẢN THÂN CỦA NGƯỜI XIN THỊ THỰC

1. Thông tin cá nhân

- 1.1. Họ và tên
- 1.2. Tình trạng hôn nhân
- 1.3. Số con
- 1.4. Số người cùng sống trong hộ gia đình với người xin thị thực

2. Mô tả về công việc

2.1. Lao động làm công làm lương

- 2.1.1. Vị trí công tác
- 2.1.2. Tên công ty/cơ quan nơi hiện đang công tác
- 2.1.3. Ngày bắt đầu làm việc tại công ty/cơ quan hiện tại
- 2.1.4. Lương tháng
- 2.1.5. Các cơ quan/công ty cũ đã từng công tác (nếu có)

2.2. Lao động tự doanh

- 2.2.1. Tên công ty
- 2.2.2. Ngày đăng ký kinh doanh
- 2.2.3. Vốn đăng ký của công ty
- 2.2.4. Vị trí công tác
- 2.2.5. Số lượng vốn góp trong công ty (nếu có)

2.3. Nghỉ hưu

- 2.3.1. Ngày nghỉ hưu
- 2.3.2. Tên cơ quan và vị trí công tác trước khi nghỉ hưu
- 2.3.3. Lương hưu hàng tháng

2.4. Chủ thuê đất/nhà/xe cộ, v.v.:

- 2.4.1. Hợp đồng cho thuê:
 - 2.4.1.1. Ngày ký hợp đồng
 - 2.4.1.2. Chi tiết về nhà ở/khu đất/xe cộ cho thuê: số đăng ký tài sản, diện tích, v.v.
 - 2.4.1.3. Thời hạn cho thuê
 - 2.4.1.4. Giá cho thuê
 - 2.4.1.5. Công chứng viên và Phòng công chứng ký kết hợp đồng (nếu có)

2.5. Sinh viên

- 2.5.1.1. Tên trường học
- 2.5.1.2. Bậc học và ngành học

3. Mô tả về tình hình tài chính:

3.1. Sổ tiết kiệm

- 3.1.1. Tên ngân hàng
- 3.1.2. Số serie sổ
- 3.1.3. Ngày gửi
- 3.1.4. Số tiền gửi
- 3.1.5. Số dư tiền gửi hiện tại

3.2. Các bất động sản thuộc quyền sở hữu

- 3.2.1. Số serie sổ
- 3.2.2. Diện tích
- 3.2.3. Tỉnh/thành phố nơi đăng ký bất động sản
- 3.2.4. Ngày mua bất động sản

3.3. Các động sản khác thuộc quyền sở hữu

4. Lịch sử đi lại trong quá khứ

4.1. Các chuyến đi tới các nước được miễn thị thực:

4.1.1. Tên nước

4.1.2. Thời gian lưu trú

4.2. Các thị thực đã được cấp

4.2.1. Tên nước cấp thị thực

4.2.2. Ngày cấp (hoặc tháng/năm cấp)

4.3. Thị thực bị từ chối (đặc biệt là các thị thực Schengen bị từ chối trong vòng 5 năm trở lại đây):

4.3.1. Tên nước từ chối cấp thị thực

4.3.2. Ngày bị từ chối cấp thị thực

4.3.3. Giải trình ngắn gọn về mục đích xin thị thực vào thời điểm đó và lý do bị từ chối

5. Mục đích xin thị thực cho chuyến đi lần này

5.1. Công tác

5.1.1. Tên người + công ty mời

5.1.2. Mục đích chuyến đi

5.1.3. Quan hệ thương mại (nếu có)

5.2. Du lịch:

5.2.1. Thăm thân / thăm bạn bè:

5.2.1.1. Họ tên người mời

5.2.1.2. Quan hệ với người mời

5.2.1.3. Số người đi cùng trong chuyến đi và thông tin về những người này (họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, thị thực Schengen còn giá trị, nếu có)

5.2.1.4. Quan hệ với những người đi cùng

5.2.2. Du lịch tự túc:

5.2.2.1. Số người đi cùng trong chuyến đi và thông tin về những người này (họ tên, quốc tịch, số hộ chiếu, thị thực Schengen còn giá trị, nếu có)

5.2.2.2. Quan hệ với những người đi cùng

5.2.2.3. Mục đích chuyến đi

5.2.2.4. Lịch trình chuyến đi chi tiết

5.2.3. Du lịch qua công ty du lịch

5.2.3.1. Tên đại lý du lịch tại Việt nam

5.2.3.2. Giá tour

5.2.3.3. Số người đi cùng trong chuyến đi

5.2.3.4. Quan hệ với những người đi cùng

5.2.4. Chương trình khuyến thưởng

5.2.4.1. Tên công ty tổ chức khuyến thưởng

5.2.4.2. Tên đại lý du lịch tại Việt Nam

5.2.4.3. Tư cách thành viên trong chương trình khuyến thưởng (*vui lòng nêu rõ người xin thị thực là chính chủ được nhận khuyến thưởng, hay được sang nhượng suất tham dự chương trình khuyến thưởng*)

5.2.4.4. Quan hệ với chính chủ được nhận khuyến thưởng (nếu có) và/hoặc số tiền sang nhượng suất phải trả cho chính chủ để được tham dự chương trình khuyến thưởng này

5.3. Học tập

5.3.1. Trung tâm học tập tại Tây Ban Nha

5.3.2. Chương trình học tại Tây Ban Nha

5.3.3. Tên người/tổ chức chi trả cho chuyến đi

5.4. Điều trị y tế

5.4.1. Chi tiết về bệnh cần điều trị (chẩn đoán bệnh, hướng điều trị, v.v.)

5.4.2. Tên (các) bệnh viện tại Việt Nam đã khám cho bệnh nhân

5.4.3. Thông tin về cơ sở y tế tiếp nhận bệnh nhân tại Tây Ban Nha:

- 5.4.3.1. Tên cơ sở y tế
- 5.4.3.2. Tên bác sĩ điều trị
- 5.4.3.3. Thời gian điều trị
- 5.4.3.4. Phí tổn cho việc điều trị
- 5.4.3.5. Các khoản đã thanh toán
- 5.4.3.6. Người đi kèm bệnh nhân (nếu có)**

5.5. Quá cảnh thuyền viên

5.5.1. Đại lý tàu tại Tây Ban Nha

- 5.5.1.1. Tên
- 5.5.1.2. Địa chỉ bưu điện
- 5.5.1.3. Điện thoại
- 5.5.1.4. Email
- 5.5.1.5. Người liên hệ
 - 5.5.1.5.1. Tên
 - 5.5.1.5.2. chức danh
 - 5.5.1.5.3. điện thoại
 - 5.5.1.5.4. email

5.5.2. Thông tin về tàu

- 5.5.2.1. Số IMO của tàu:
- 5.5.2.2. Tên tàu:
- 5.5.2.3. Loại tàu (tàu chở hàng / tàu chở khách:
- 5.5.2.4. Quốc tịch tàu
- 5.5.2.5. Tên chủ tàu
- 5.5.2.6. Tên công ty quản lý tàu (nếu có)
- 5.5.2.7. Tên cảng tàu sẽ cập bến tại Tây Ban Nha:
- 5.5.2.8. Ngày tàu cập cảng và rời cảng Tây Ban Nha:
- 5.5.2.9. Hành trình của tàu trên biển (danh sách các cảng cập bến):

5.5.3. Đại lý tàu tại Việt Nam

- 5.5.3.1. Tên công ty đại lý tàu
- 5.5.3.2. Thông tin về đăng ký kinh doanh
 - 5.5.3.2.1. Số đăng ký kinh doanh
 - 5.5.3.2.2. Năm đăng ký/năm thay đổi đăng ký lần cuối
 - 5.5.3.2.3. Vốn điều lệ
 - 5.5.3.2.4. Lĩnh vực kinh doanh
 - 5.5.3.2.5. Giám đốc
- 5.5.3.3. Chi tiết liên hệ
 - 5.5.3.3.1. Tên người liên hệ
 - 5.5.3.3.2. Chức danh
 - 5.5.3.3.3. điện thoại
 - 5.5.3.3.4. email

5.5.4. Công ty du lịch giúp chuẩn bị hồ sơ xin thị thực

- 5.5.4.1. Tên công ty
- 5.5.4.2. Chi tiết liên hệ
 - 5.5.4.2.1. Tên người liên hệ
 - 5.5.4.2.2. điện thoại
 - 5.5.4.2.3. email

5.5.5. Thông tin về thuyền viên

5.5.5.1. Ngày ký kết hợp đồng với công ty cung ứng lao động thuyền viên

5.5.5.2. Chức danh thuyền viên

5.5.5.3. Lương thuyền viên trên tàu

5.5.5.4. Ngày cập cảng Tây Ban Nha